

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS-ST
Ngày 02 – 10 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tân.
2. Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số C ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 27-10-2016, bà Nguyễn Thị Thu H cho bà Đặng Thị N vay số tiền 160.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Lãi suất vay theo thỏa thuận, thời gian hỏi mượn trong vòng 15 ngày thì cam kết trả đủ. Tuy nhiên, sau khi đến hạn bà H nhiều lần đến yêu cầu bà N trả nợ nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả được số tiền nào. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đặng Thị N trả số tiền gốc đã vay cho bà Nguyễn Thị Thu H là 160.000.000 đồng.

Đồng thời, buộc bà Đặng Thị N phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định của Nhà nước kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 25-7-2023, bị đơn Đặng Thị N có ý kiến trình bày như sau:

Năm 2016, bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu H. Tuy nhiên, số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng, lãi suất 10%. Sau khi đóng lãi khoảng 06 hoặc 07 tháng thì bà không có khả năng đóng lãi nên kết nợ gốc và lãi là 80.000.000 đồng (vốn gốc 60.000.000 đồng, lãi 20.000.000 đồng). Sau đó, bà bỏ địa phương đi làm ăn xa nên không đóng lãi và trả nợ gốc cho đến nay. Đối với biên nhận nợ ngày 27-10-2016 do nguyên đơn cung cấp, bà Đặng Thị N trình bày là không nhớ khi đó có ghi hay không do thời gian lâu quá nên bà không khẳng định. Còn nếu phải xác định có phải là chữ ký, chữ viết của mình hay không thì bà xác định là không phải và không đồng ý giám định. Lý do là do bà phải đi làm xa, việc vay tiền đã lâu, không biết bà H tính lãi như thế nào. Nay bà H khởi kiện thì bà H muốn làm gì làm, bà không đồng ý giám định chữ ký, chữ viết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc đã vay 160.000.000 đồng: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp biên nhận vay tiền ngày 27-10-2016 thể hiện chữ ký, chữ viết của bị đơn. Bị đơn bà Đặng Thị N thừa nhận có sự việc vay tiền vào năm 2016 nhưng không thống nhất với nguyên đơn về số nợ vay, lãi suất và quá trình trả lãi. Bị đơn cho rằng bản thân không nhớ khi vay tiền có viết và ký biên nhận hay không do thời gian đã lâu. Tuy nhiên, bị đơn trước sau đã thể hiện rõ ý chí của mình là không đồng ý cho

giám định chữ ký, chữ viết. Ngoài ra, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là sự thật. Do đó, HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định việc bà Đặng Thị N vay của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 160.000.000 đồng với các thỏa thuận ghi tại “Biên nhận nợ” ngày 27-10-2016 là sự việc có thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay 160.000.000 đồng là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định của Nhà nước kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm: Theo nội dung biên nhận vay tiền, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi với mức lãi suất theo thỏa thuận riêng. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, trực tiếp lấy lời khai của bị đơn cho đến phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chỉ có ý kiến xin không đóng lãi vì trước đó bà đã đóng lãi nhiều và nay không còn khả năng đóng lãi. Bị đơn cho rằng đã đóng tiền lãi được 6 – 7 tháng là không rõ ràng và cũng không có chứng cứ nào để chứng minh số tiền lãi đã trả. Về mức lãi suất, bị đơn trình bày khi vay tiền của nguyên đơn hai bên có thỏa thuận lãi suất riêng là 10%/tháng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn cũng thừa nhận việc thỏa thuận này là vượt quá mức lãi suất quy định. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lãi trên số tiền vay từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận, nhưng mức lãi suất áp dụng được điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật.

[5] Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

- Từ ngày 27-10-2016 đến ngày 31-12-2016, theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005, mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Do đó, mức lãi suất được điều chỉnh bằng 1,125%/tháng. Tiền lãi = 160.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 2 tháng 04 ngày = 3.840.000 đồng.

- Từ ngày 01-01-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (tương ứng 1,66%/tháng). Tiền lãi = 160.000.000 đồng x 06 năm 09 tháng 01 ngày x 1,66%/tháng = 215.224.533 đồng.

Tổng cộng tiền lãi = 219.064.533 đồng.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định nghĩa vụ trả nợ của bà Đặng Thị N và chỉ yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ. Do đó, HĐXX căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, buộc bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thu H, không xem xét về nghĩa vụ chung và trách nhiệm liên đới với người khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c, khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bị đơn Đặng Thị N trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H số tiền 379.064.533 đồng, trong đó vốn gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 219.064.533 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Đặng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.953.227 đồng.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0006533 ngày 24-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm